

QUYẾT ĐỊNH
V/v công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025 của
Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-BXD ngày 01/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 454/TB-BXD ngày 8/7/2026 của Bộ Xây dựng thông báo xét duyệt quyết toán năm 2025 Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (*chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc Học viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để báo cáo);
- Website HV;
- TT TT & CDS (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC

Ngô Anh Tuấn

Đơn vị: Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng
Chương: 019

QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 536 /QĐ – HVCLBD ngày 10/7/2026
của Học viện Chiến-lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số QT được duyet chi tiết từng ĐV trực thuộc (nếu có ĐV trực thuộc)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=4-3</i>	<i>6</i>
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	116.990	116.990		
I	Nguồn ngân sách trong nước	116.990	116.990		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	13.900	13.900		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.367	2.367		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	2.367	2.367		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.137	2.137		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.396	9.396		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyet	Chênh lệch	Số QT được duyet chi tiết từng ĐV trực thuộc (nếu có ĐV trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	98.752	98.752		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	30.860	30.860		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	67.892	67.892		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	3.693	3.693		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.693	3.693		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	645	645		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	645	645		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				